

Số: **8 2 1 9**/BCT-TMĐTHà Nội, ngày **29** tháng 10 năm 2020

V/v đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của CP về thương mại điện tử

Kính gửi:

- Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam.

Ngày 07 tháng 10 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 144/NQ-CP về việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử.

Thực hiện Nghị quyết số 144/NQ-CP và Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Bộ Công Thương đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định nói trên. Bộ Công Thương trân trọng đề nghị quý Đơn vị góp ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo Nghị định.

Văn bản góp ý của quý Đơn vị đề nghị gửi về Bộ Công Thương (Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số) trước **ngày 12 tháng 11 năm 2020** để tổng hợp; bản mềm gửi qua hanglthu@moit.gov.vn, điện thoại liên hệ: 024.222.05.401.

(Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương).

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, TMĐT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Cao Quốc Hưng**

Số: /2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO 2

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP
ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử (Nghị định số 52/2013/NĐ-CP).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“1. Nghị định này quy định về việc phát triển, ứng dụng và quản lý hoạt động thương mại điện tử.

2. Các giao dịch điện tử đối với dịch vụ tài chính, ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, xổ số; mua bán, trao đổi tiền, vàng, ngoại hối và các phương tiện thanh toán khác; dịch vụ trò chơi trực tuyến, dịch vụ đặt cược hoặc trò chơi có thưởng, dịch vụ phát thanh, truyền hình và các dịch vụ khác đã được quy định tại pháp luật chuyên ngành không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 2 như sau:

“c) Thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam.”

3. Bổ sung khoản 16 Điều 3 như sau:

“16. Phương thức thanh toán đảm bảo trong thương mại điện tử là việc chủ sở hữu website thương mại điện tử ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán, theo đó khoản tiền trả trước bằng phương thức thanh toán trực tuyến của khách hàng trong giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ được giữ trong tài khoản trung gian trong một thời gian nhất định để đảm bảo cho việc giải quyết tranh chấp giữa khách hàng và người bán.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 4 như sau:

“a) Lợi dụng hoạt động thương mại điện tử để kinh doanh theo phương thức đa cấp nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 24 như sau:

“1. Các thương nhân, tổ chức, cá nhân thiết lập website thương mại điện tử để phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ của mình (người sở hữu website thương mại điện tử bán hàng).

2. Các thương nhân, tổ chức thiết lập website thương mại điện tử để tiến hành hoạt động trung gian thương mại, cung cấp môi trường cho thương nhân, tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ (thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử).

Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử không bao gồm các thương nhân tổ chức chỉ thực hiện cung cấp dịch vụ thiết kế website và không tham gia trực tiếp vào hoạt động kinh doanh, điều hành hoặc điều phối các hoạt động trên website đó.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 26 như sau:

“4. Nguyên tắc kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện, thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thông qua thương mại điện tử.

Hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện, thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện phải tuân thủ các quy định pháp luật liên quan.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 và khoản 7 Điều 27 như sau:

“1. Thông báo với Bộ Công Thương về việc thiết lập website thương mại điện tử bán hàng theo quy định tại Mục 1 Chương IV Nghị định này nếu website có chức năng đặt hàng trực tuyến.

4. Thực hiện các quy định về quy trình giao kết hợp đồng tại Mục 2 Chương II Nghị định này nếu website có chức năng đặt hàng trực tuyến; thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật khác có liên quan trong hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ.

7. Lưu trữ thông tin đầy đủ về người mua, lịch sử giao dịch được thực hiện qua website theo quy định pháp luật; Công bố công khai số điện thoại tiếp nhận

phản ánh về chất lượng hàng hóa, dịch vụ và có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

“Điều 30. Thông tin về hàng hóa, dịch vụ

1. Thông tin về hàng hóa, dịch vụ trên website thương mại điện tử bán hàng phải bao gồm các nội dung theo quy định pháp luật về nhãn hàng hóa trừ các thông tin có tính chất riêng biệt theo sản phẩm như: năm, tháng, ngày sản xuất; hạn sử dụng, số lô sản xuất, số khung, số máy.

2. Đối với website thương mại điện tử có hoạt động thương mại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện hoặc thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, website thương mại điện tử phải công bố trên website của mình số, ngày cấp và nơi cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện, văn bản xác nhận, hoặc các hình thức văn bản khác theo quy định pháp luật về điều kiện kinh doanh của ngành, nghề và hàng hóa, dịch vụ đó.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 32 như sau:

“2. Ngôn ngữ thể hiện điều kiện giao dịch chung phải bao gồm tiếng Việt.”

10. Bổ sung điểm d khoản 1 Điều 33 như sau:

“d) Giới hạn trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung ứng dịch vụ lưu kho, vận chuyển, giao hàng (gọi chung là dịch vụ logistics) về cung cấp chứng từ hàng hóa trong quá trình giao nhận.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 như sau:

“2. Các hình thức hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử:

a) Website cho phép người tham gia được mở các gian hàng hoặc lập các website nhánh để trưng bày, giới thiệu hàng hóa hoặc dịch vụ;

b) Website cho phép người tham gia được mở tài khoản để thực hiện quá trình giao kết hợp đồng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng;

c) Website có chuyên mục mua bán, trên đó cho phép người tham gia đăng tin mua bán hàng hóa và dịch vụ;

d) Mạng xã hội có một trong các đặc tính nêu trên.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 36 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3, khoản 8, khoản 9 Điều 36 như sau:

“1. Đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử theo quy định tại Mục 2 Chương IV Nghị định này và công bố các thông tin về người sở hữu website theo quy định tại Điều 29 Nghị định này trên trang chủ website.

3. Yêu cầu thương nhân, tổ chức, cá nhân là người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 29 Nghị định này khi đăng ký sử dụng dịch vụ. Trong trường hợp người bán là thương nhân nước

ngoài, thông tin này phải được dịch sang tiếng Việt, các tên riêng được phiên âm tiếng Việt hoặc thể hiện bằng ký tự La tinh.

8. Có biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh về hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật trên sàn giao dịch thương mại điện tử:

a) Có biện pháp ngăn chặn và loại bỏ khỏi website những thông tin mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.

b) Kịp thời gỡ bỏ hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật trong vòng 24h kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

c) Phối hợp với các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ để gỡ bỏ các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nếu có căn cứ xác thực.

9. Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước xử lý các hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp, khiếu nại.

a) Cung cấp thông tin về đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật trên sàn giao dịch thương mại điện tử

b) Thường xuyên cập nhật từ khóa theo khuyến cáo từ các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và lọc thông tin theo từ khóa trước khi đăng tải thông tin về hàng hóa, dịch vụ.

c) Tham gia giải quyết khiếu nại, phản ánh và các tranh chấp từ doanh nghiệp và người tiêu dùng thông qua hệ thống quản lý và giải quyết khiếu nại, tranh chấp trực tuyến tại Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ online.gov.vn.”

b) Bổ sung khoản 11 Điều 36 như sau:

“11. Đối với những sàn giao dịch thương mại điện tử bán lẻ có tích hợp chức năng đặt hàng và thanh toán trực tuyến, ngoài các nghĩa vụ trên, thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử có trách nhiệm:

a) Cung cấp công cụ hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước tra cứu, định danh người bán, các giao dịch liên quan tới người bán để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

b) Thay mặt cho thương nhân, tổ chức nước ngoài trên sàn giao dịch thương mại điện tử giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến hàng hóa, dịch vụ do thương nhân nước ngoài cung cấp và có trách nhiệm khai, khấu trừ và nộp thuế nhà thầu theo quy định.

c) Là đầu mối tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng trong trường hợp một giao dịch thực hiện trên sàn giao dịch thương mại điện tử có nhiều hơn 02 bên tham gia.

d) Liên đới trách nhiệm về hàng hóa, dịch vụ bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử nếu không thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các khoản 8, 9 Điều này.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 38 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm đ, điểm g khoản 2 Điều 38 như sau:

“c) Nếu sàn giao dịch thương mại điện tử tích hợp nhiều hình thức hoạt động khác nhau, mô tả quy trình giao dịch đối với từng hình thức tổ chức hoạt động này, bao gồm quy trình giao nhận hàng hóa (nếu có);

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên trong các giao dịch được thực hiện trên sàn giao dịch thương mại điện tử, trường hợp một giao dịch có nhiều hơn 02 bên tham gia thì phải phân định rõ trách nhiệm giữa các bên bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ;

g) Các quy định về an toàn thông tin, cơ chế kiểm tra, giám sát để đảm bảo việc cung cấp thông tin và quản lý thông tin trên sàn giao dịch thương mại điện tử;”

b) Bổ sung điểm m khoản 2 Điều 38 như sau:

“m) Công bố rõ ràng phạm vi trách nhiệm về cung cấp chứng từ hàng hóa giữa người bán, bên cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử và bên cung cấp dịch vụ logistics trong trường hợp có giao kết sử dụng dịch vụ logistics của bên thứ ba.”

14. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 54 như sau:

“a) Mô hình tổ chức hoạt động, bao gồm hoạt động cung cấp dịch vụ, hoạt động xúc tiến, tiếp thị dịch vụ cả trong và ngoài môi trường trực tuyến; hoạt động logistics đối với hàng hóa.”

15. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 55 như sau:

“b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập (đối với tổ chức), giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp (đối với thương nhân), giấy phép kinh doanh (đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài);”

16. Bổ sung điểm d khoản 3 Điều 63 như sau:

“d) Kết nối dữ liệu trực tuyến với hệ thống quản lý và giải quyết khiếu nại, tranh chấp trực tuyến của Bộ Công Thương.”

17. Bổ sung Mục 5 sau Mục 4 Chương IV Quản lý hoạt động thương mại điện tử như sau:

“Mục 5: HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CỦA THƯƠNG NHÂN, TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI

Điều 67a: Thương nhân, tổ chức nước ngoài thiết lập website hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam

Phương án 1:

1. Thương nhân, tổ chức nước ngoài thiết lập website hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam là thương nhân, tổ chức có một trong các hình thức hoạt động sau:

a) Thiết lập website thương mại điện tử dưới tên miền Việt Nam hoặc website thương mại điện tử có ngôn ngữ tiếng Việt;

b) Thiết lập sàn giao dịch thương mại điện tử có 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trong một năm.

2. Thương nhân, tổ chức nước ngoài thiết lập website hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam phải thực hiện thông báo, đăng ký hoạt động thương mại điện tử theo quy định tại Nghị định này; đồng thời đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chất lượng sản phẩm, hàng hóa thông qua văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Phương án 2:

1. Thương nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động thương mại điện tử thông qua việc thiết lập website dưới tên miền Việt Nam hoặc website có ngôn ngữ tiếng Việt, hoặc thiết lập sàn giao dịch thương mại điện tử mà trên đó lượt giao dịch/lượt truy cập/số đơn hàng của tổ chức, cá nhân Việt Nam vượt quá một ngưỡng nhất định thì phải thực hiện đăng ký hoạt động thương mại điện tử theo quy định tại Nghị định này; đồng thời đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chất lượng sản phẩm, hàng hóa thông qua chỉ định đại diện pháp lý của mình tại Việt Nam.

2. Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan quy định ngưỡng giao dịch/lượt truy cập/số đơn hàng tại khoản 1 Điều này theo từng thời kỳ và phù hợp với thực tiễn của hoạt động thương mại.

2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải thực hiện thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật hải quan.

3. Lượt giao dịch/lượt truy cập/số đơn hàng từ Việt Nam được căn cứ từ các nguồn sau:

a) Thương nhân, tổ chức tự nguyện báo cáo theo quy định của Nghị định này;

b) Theo số liệu chính thức của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam gồm: cơ quan hải quan; cơ quan quản lý nhà nước về internet; cơ quan quản lý nhà nước về ngân hàng, thuế;

c) Theo các báo cáo, thông tin sẵn có, công khai mà cơ quan quản lý nhà nước có liên quan chứng minh được tính xác thực hoặc từ các tổ chức có uy tín được công nhận trên thế giới.

4. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử tại Việt Nam

a) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong việc ngăn chặn các giao dịch hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật Việt Nam;

b) Thực hiện nghĩa vụ báo cáo theo quy định tại Điều 57 Nghị định này.

Điều 67b. Thương nhân, tổ chức nước ngoài bán hàng hóa trên sàn giao dịch thương mại điện tử Việt Nam

1. Thương nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện hoạt động bán hàng hóa theo quy chế hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử Việt Nam

2. Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử Việt Nam có trách nhiệm xác thực danh tính của thương nhân, tổ chức nước ngoài bán hàng hóa trên sàn giao dịch thương mại điện tử đó, đồng thời có trách nhiệm sau:

a) Yêu cầu thương nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; hoặc

b) Tổ chức việc thực hiện hoạt động nhập khẩu theo ủy thác của người mua đối với hàng hóa do thương nhân, tổ chức nước ngoài giao dịch trên sàn giao dịch thương mại điện tử; hoặc

c) Yêu cầu thương nhân, tổ chức nước ngoài chỉ định đại lý thương mại của mình tại Việt Nam.

3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.

Điều 67c. Điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực dịch vụ thương mại điện tử

1. Hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử là ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

2. Các điều kiện tiếp cận thị trường gồm:

a) Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư kinh doanh hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Luật Đầu tư.

b) Nhà đầu tư nước ngoài thuộc danh sách các công ty công nghệ uy tín toàn cầu trong lĩnh vực thương mại điện tử do Bộ Công Thương công bố định kỳ.

c) Nhà đầu tư nước ngoài chi phối từ 1 doanh nghiệp trở lên thuộc nhóm 5 doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường dịch vụ thương mại điện tử theo danh sách do Bộ Công Thương công bố phải có ý kiến thẩm định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường quy định tại điểm này không bao gồm doanh nghiệp có thị phần ít hơn 10% trên thị trường liên quan.

3. Cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh về hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm lấy ý

kiến của Bộ Công Thương trước khi cấp, điều chỉnh, thay đổi đăng ký tại các giấy tờ có liên quan.”

18. Bổ sung điểm khoản 4 Điều 74 như sau:

“4. Thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử có chức năng thanh toán trực tuyến phải cho phép khách hàng lựa chọn phương thức thanh toán đảm bảo.”

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 80 như sau:

“1. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quản lý hoạt động thương mại điện tử tại Nghị định này;

b) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong bảo vệ an ninh mạng đối với hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử của thương nhân, tổ chức nước ngoài. Kiến nghị Bộ Công an xử lý theo pháp luật đối với các hành vi vi phạm về an ninh mạng trong thương mại điện tử;

c) Tổ chức thông tin, phổ biến, truyền thông về pháp luật liên quan đến hoạt động thương mại điện tử;

d) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về hoạt động thương mại điện tử.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Bộ Công Thương cung cấp thông tin về quản lý Internet đối với các website có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam;

b) Phối hợp với Bộ Công Thương thu hồi tên miền “.vn” và thực thi các biện pháp xử lý vi phạm đối với website thương mại điện tử theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn thương nhân, tổ chức tham gia hoạt động thương mại điện tử khai và nộp thuế theo quy định;

b) Phối hợp cung cấp thông tin, chia sẻ cơ sở dữ liệu với Bộ Công Thương về số lượng đơn hàng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, chia sẻ dữ liệu với Bộ Công Thương về các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử có vốn đầu tư nước ngoài.

5. Bộ Công An, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Chủ trì bảo vệ an ninh mạng đối với hoạt động thương mại điện tử; phối hợp với Bộ Công Thương cung cấp thông tin về các hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và phòng, chống tội phạm mạng trong thương mại điện tử;

b) Phối hợp thẩm định về an ninh quốc gia trong điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài đối với lĩnh vực dịch vụ thương mại điện tử khi có yêu cầu từ Bộ Công Thương.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 2. Bãi bỏ

Bãi bỏ khoản 2 Điều 2, khoản 4 Điều 25, điểm c khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 44, Điều 62 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngàytháng..... năm 2021.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN,Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). xh 300

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Số: /TTr-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ
về Thương mại điện tử**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015, trên cơ sở tổng kết, đánh giá tình hình thực tiễn thực hiện và ý kiến các Bộ, ngành, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương xin trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử (dưới đây gọi tắt là Nghị định 52) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Chủ trương, đường lối của Đảng

- Nghị quyết 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, trong đó chỉ đạo: “Đa phương hoá, đa dạng hoá đối tác, hình thức đầu tư, đan xen lợi ích trong hợp tác đầu tư nước ngoài và kết nối hữu cơ với khu vực kinh tế trong nước, phù hợp với định hướng cơ cấu lại nền kinh tế và mục tiêu phát triển bền vững; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh, trật tự, an toàn xã hội và nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế.”

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó có chỉ đạo:

“Hoàn thiện pháp luật, trước hết là pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận

lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số, Internet và không gian mạng; đồng thời ngăn chặn kịp thời các tác động tiêu cực cả về kinh tế và xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng.” và

“Hoàn thiện luật pháp, chính sách về đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng nâng cao tiêu chuẩn công nghệ, khuyến khích hình thức liên doanh và tăng cường liên kết, chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài; quản lý chặt chẽ hoạt động của các doanh nghiệp dựa trên nền tảng cung cấp dịch vụ xuyên quốc gia để bảo đảm môi trường kinh doanh bình đẳng trong nước.”

1.2. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 17 tháng 11 năm 2010;
- Luật Cạnh tranh ngày 12 tháng 6 năm 2018;
- Luật Đầu tư (sửa đổi) ngày 17 tháng 6 năm 2020;

1.3. Quan điểm hành động, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử (sau đây gọi tắt là TMDT).

- Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ ngày 17 tháng 4 năm 2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Nghị quyết số 58/NQ-CP của Chính phủ ngày 27 tháng 4 năm 2020 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030.

- Quyết định số 999/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 645/QĐ-TTg phê duyệt kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Những kết quả đạt được

Ngày 16 tháng 5 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về Thương mại điện tử thay thế Nghị định số 57/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2006. Nghị định 52 được xây dựng với mục tiêu thiết lập hành lang pháp lý cho các giao dịch thương mại điện tử (sau đây viết tắt là TMĐT) được tiến hành một cách minh bạch, trên cơ sở cạnh tranh lành mạnh, qua đó tạo điều kiện để TMĐT phát triển, góp phần nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp và xây dựng tập quán thương mại hiện đại cho Việt Nam.

2.1.1. Tốc độ phát triển TMĐT tại Việt Nam tăng trưởng mạnh mẽ

Tại Việt Nam, TMĐT đang trở thành một hình thái kinh doanh phổ cập của doanh nghiệp và có sức lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng người tiêu dùng Việt Nam. So với các nước trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam là quốc gia có tốc độ tăng trưởng về thị phần bán lẻ thuộc top ba của khu vực. Từ năm 2015 đến nay, tốc độ tăng trưởng của 03 nền kinh tế Internet lớn nhất khu vực Đông Nam Á đạt trung bình 33 - 35%, theo đó Việt Nam là 38%, đứng đầu là Indonesia với 49%, thứ ba là Phillipines (32%).¹

Theo Sách trắng TMĐT 2019, so với năm 2013, bức tranh về tốc độ phát triển của TMĐT có nhiều thay đổi rõ nét, thị trường TMĐT bán lẻ tăng từ 2,2 tỷ USD năm 2013 lên 10.08 tỷ USD năm 2019; tốc độ tăng trưởng giai đoạn 05 năm trở lại đây ổn định ở mức 30%/năm, dự kiến năm 2020 doanh thu TMĐT Việt Nam sẽ đạt 13 tỷ USD, ước tính chiếm 5,5% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước, tăng gấp 5,5 lần so với thời điểm trước khi ban hành Nghị định 52.

Bên cạnh đó, Sách trắng cũng ghi nhận tỷ lệ doanh nghiệp có trang thương mại điện tử, cập nhật thường xuyên thông tin giới thiệu và bán sản phẩm của doanh nghiệp; nhận đơn đặt hàng, đặt hàng qua email; website, sàn giao dịch

¹ Theo báo cáo "Nền kinh tế Internet Đông Nam Á" năm 2019 của Google và Temasek, tốc độ tăng trưởng doanh thu kinh tế Internet của Việt Nam đạt khoảng 25%/năm, ước đạt 43 tỷ USD vào năm 2025 (số liệu này không bao gồm doanh thu từ dịch vụ Online Media là 36 tỷ USD).

TMĐT/mạng xã hội; có đăng ký tài khoản trên Cổng thông tin quản lý TMĐT của Bộ Công Thương ở mức cao và liên tục tăng hàng năm.²

2.1.2. Khuôn khổ pháp lý về TMĐT ngày càng hoàn thiện, công tác tuyên truyền, thực thi pháp luật được tăng cường

- Kể từ khi Nghị định 52 được ban hành, trong giai đoạn 2014 – 2018, Bộ Công Thương đã trình, ban hành theo thẩm quyền nhiều văn bản quy phạm pháp luật để quy định chi tiết theo yêu cầu của Nghị định; hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều cơ chế, chính sách, Chương trình nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển lĩnh vực TMĐT trên phạm vi toàn quốc.³

- Cùng với hoàn thiện khuôn khổ pháp luật, công tác tuyên truyền, thực thi pháp luật được tăng cường. Theo đó, công tác tuyên truyền phổ biến rộng rãi quy định của pháp luật, hoạt động xử lý vi phạm và nhiều giải pháp công nghệ đã được thực hiện để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chống gian lận thương mại đã được triển khai mạnh mẽ trong thực tiễn.⁴

Với các kết quả cụ thể nêu trên, việc ban hành và triển khai thi hành Nghị định 52 đã tạo những tiền đề vô cùng quan trọng cho sự phát triển vượt bậc cho lĩnh vực TMĐT tại Việt Nam trong thời gian vừa qua.

2.2. Những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 52

² Tỷ lệ doanh nghiệp có trang thông tin điện tử, cập nhật thường xuyên thông tin giới thiệu và bán sản phẩm của doanh nghiệp là 49%. Tỷ lệ doanh nghiệp nhận đơn đặt hàng qua email; website, sàn giao dịch TMĐT/mạng xã hội lần lượt là 84%, 36% và 31%. Tỷ lệ doanh nghiệp đặt hàng qua các phương thức trên tương ứng là 84%, 44% và 32%. Số lượng doanh nghiệp và cá nhân đăng ký mở tài khoản dựa trên mã số thuế khai báo được ghi nhận trên Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT năm 2014 là 11.232 tài khoản (thời điểm sau một năm Nghị định có hiệu lực) lên đến 57.428 tài khoản (tính đến hết tháng 12 năm 2019). Trong đó, số lượng hồ sơ được Bộ Công Thương tiếp nhận và xử lý sau 06 năm tăng từ 10.187 hồ sơ năm 2014 lên đến 61.143 năm 2019.

Số lượng website/ứng dụng TMĐT được Bộ Công Thương xác nhận thông báo/đăng ký giai đoạn 2014 - 2019: (i) website/ứng dụng TMĐT bán hàng được xác nhận thông báo năm 2014 là 4.653, năm 2019 là 29.370 website/ứng dụng, tăng 6,3 lần; (ii) website/ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT năm 2014 được xác nhận đăng ký là 357, năm 2019 là 1.191 website/ứng dụng, tăng 3,4 lần. Trong đó, sàn giao dịch TMĐT là hình thức hoạt động chiếm số đông trong tổng số website/ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT được xác nhận đăng ký qua các năm, năm 2013 là 283 sàn, năm 2019 ghi nhận gần 1.000 sàn.

³ Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 124/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP; Nghị định số 127/2015/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động ngành Công Thương; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 689/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2014 – 2020; Bộ Công Thương đã ban hành theo thẩm quyền 03 Thông tư hướng dẫn.

⁴ Bộ Công Thương đã chủ trì triển khai hàng năm hơn 95 các chương trình hội thảo, tọa đàm, các khóa tập huấn, tuyên truyền về TMĐT trên cả nước; phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương tổ chức tổng cộng hơn 263 lớp tập huấn về TMĐT trên phạm vi toàn quốc, với sự tham gia của trên 30.000 học viên...

Tổng mức xử phạt vi phạm hành chính qua các năm từ 2015 đến 2019 ghi nhận như sau: năm 2015 là 3,5 tỷ đồng, năm 2016 là 4,5 tỷ đồng, năm 2017 gần 6 tỷ đồng, năm 2018 khoảng 7 tỷ đồng và năm 2019 là 16,9 tỷ đồng; khai trương “Hệ thống quản lý và giải quyết phản ánh, khiếu nại, tranh chấp trực tuyến trong thương mại điện tử”.

Với bản chất của thương mại điện tử là hoạt động thương mại áp dụng các tiến bộ trong công nghệ thông tin và Internet, hoạt động TMĐT cũng là lĩnh vực chịu nhiều tác động và thay đổi nhanh chóng. Nhiều mô hình TMĐT mới xuất hiện, đa dạng về cách thức hoạt động và chủ thể tham gia, đặc biệt các mạng xã hội đang nổi lên là một phương thức giao dịch TMĐT phổ biến nhưng chưa được điều chỉnh; các hành vi vi phạm trong TMĐT diễn ra ngày càng phức tạp, đặc biệt là vấn nạn hàng giả, hàng lậu, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên các sàn giao dịch TMĐT và mạng xã hội; hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài phát sinh dưới nhiều hình thức; và một số vấn đề khác đang đặt ra yêu cầu mới đối với cơ quan quản lý nhà nước, cụ thể:

2.2.1. Thu gọn đối tượng ứng dụng TMĐT phải thực hiện thủ tục hành chính

Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 52 quy định khái niệm về website TMĐT bán hàng như sau: "*Website TMĐT bán hàng là website TMĐT do các thương nhân, tổ chức, cá nhân tự thiết lập để phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ của mình*". Do vậy, theo quy định của Điều 27 Nghị định 52, cá nhân, thương nhân thiết lập website TMĐT bán hàng phải thực hiện thủ tục thông báo với Bộ Công Thương. Từ khi Nghị định 52 có hiệu lực thi hành đến nay, thực tiễn ghi nhận có hơn 29.000 website TMĐT bán hàng đã thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động của mình. Mặc dù vậy, theo Sách trắng TMĐT 2019, có đến 49% các website này ở mức độ rất cơ bản, không có tương tác, không có đặt hàng trực tuyến, không cập nhật nội dung thường xuyên và chỉ đơn thuần giới thiệu doanh nghiệp, sản phẩm/dịch vụ đang cung cấp.

Trên cơ sở thống nhất với quy định của Luật Thương mại 2005 và của pháp luật có liên quan, với mục tiêu giảm thiểu đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính qua đó giảm chi phí, thời gian của người dân, doanh nghiệp theo đúng tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại các Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 9 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo có liên quan, Bộ Công Thương cho rằng việc tiếp tục duy trì yêu cầu thực hiện thủ tục thông báo đối với chủ sở hữu các website này là không cần thiết.

2.2.2. Minh bạch hóa thông tin cho người tiêu dùng, phòng chống gian lận thương mại

Hoạt động TMĐT là hoạt động thương mại thông qua phương tiện, hạ tầng điện tử, công nghệ thông tin. Theo đó, với bản chất hoạt động thương mại tương đồng với các hình thức truyền thống như chợ, trung tâm thương mại, các sàn giao dịch TMĐT là nơi quy tụ, tổ chức và kết nối cho nhiều thương nhân bán hàng hóa đến người tiêu dùng cuối cùng (B2C), hoặc là nơi diễn ra hoạt động thương mại giữa người tiêu dùng với nhau (C2C). Các đơn vị vận hành sàn giao dịch TMĐT

là chủ thể đặt ra luật lệ, nắm toàn bộ thông tin cũng như công nghệ để quản lý các giao dịch trên hạ tầng của mình, do vậy họ có năng lực và có trách nhiệm triển khai các nghiệp vụ về xét duyệt thông tin người bán, kiểm soát thông tin hàng hóa, giao dịch, thanh toán trên nền tảng mà họ quản lý. Tuy nhiên, với lý do hạn chế về nhân lực, công nghệ (khách quan) hoặc chưa quan tâm đầu tư đúng mức, thậm chí buông lỏng việc xét duyệt hồ sơ của đối tượng tham gia sàn (chủ quan), hiện tượng hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng giả, hàng nhái, hàng hóa đăng tải bằng ngôn ngữ nước ngoài xuất hiện trên các sàn TMĐT với diễn biến phức tạp, khó lường, chưa cho thấy các biện pháp kiểm soát hữu hiệu.

Về khuôn khổ pháp lý, quy định hiện hành đang xác định việc cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ là trách nhiệm của người bán trên sàn giao dịch TMĐT. Trong khi đó, với hàng chục ngàn đến hàng trăm ngàn người bán thông qua các sàn giao dịch TMĐT, các đơn vị vận hành sàn đang chỉ thực thi trách nhiệm trong việc tự ban hành quy chế đăng tải thông tin. Điều này dẫn đến các sàn giao dịch TMĐT có yêu cầu khác nhau trong thể hiện thông tin về nguồn gốc xuất xứ hay quy cách chất lượng, thông tin người bán; từ đó tạo kẽ hở để một số đối tượng lợi dụng thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Với thực tế đó, yêu cầu đặt ra là khuôn khổ pháp luật cần được hoàn thiện theo hướng quy định cụ thể về thông tin hàng hóa, dịch vụ cần được đăng tải khi giao dịch bằng hình thức TMĐT nói chung và thông qua sàn giao dịch TMĐT nói riêng nhằm tăng cường nghĩa vụ của chủ sở hữu các sàn giao dịch TMĐT trong việc kiểm soát, sàng lọc, xét duyệt thông tin hàng hóa, đồng thời ràng buộc trách nhiệm của chủ thể này với những giao dịch được tiến hành trên hạ tầng của mình.

2.2.3. Mạng xã hội được tổ chức hoạt động tương tự như một hình thức TMĐT truyền thống

Sách trắng TMĐT 2019 cho thấy, trong xu hướng chung về hội tụ công nghệ, các mạng xã hội đã và đang được bổ sung nhiều tính năng hoạt động như sàn giao dịch TMĐT theo quy định của Nghị định 52.

Theo báo cáo của Nielsen và Demand Institute công bố năm 2017⁵, người tiêu dùng có xu hướng mua sắm đa kênh (omni-channel), trong đó mạng xã hội là kênh tiếp thị tiêu dùng, kinh doanh thương mại được ưa chuộng và hiệu quả của đa số thương nhân và cá nhân hoạt động thương mại.⁶ Mặc dù giao dịch qua mạng

⁵ Báo cáo đánh giá tác động trong Hồ sơ trình kèm.

⁶ Kết quả khảo sát của Bộ Công Thương năm nay cho thấy mạng xã hội tiếp tục là kênh tiếp thị phổ biến nhất của các doanh nghiệp. Đồng thời, tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá bán hàng qua mạng xã hội đạt hiệu quả cao là 45%, trong khi tỷ lệ này đối với bán hàng qua website là 32% và qua ứng dụng di động là 22%.

xã hội rất đa dạng, các hoạt động này có nhiều điểm tương đồng với các phương thức TMĐT truyền thống như tiếp thị, bán hàng thông qua trang cá nhân, chuyên trang (fanpage - tương tự như website bán hàng), hoặc trên chợ (marketplace, shop... - tương ứng với sàn giao dịch TMĐT) được tích hợp trong tính năng của mạng xã hội.

Hiện các hoạt động TMĐT của mạng xã hội đã bước đầu được quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 52 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, để đảm bảo (i) tính rõ ràng, minh bạch, thống nhất, đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về TMĐT (và về quản lý mạng xã hội cũng đang được đề nghị xây dựng trình Chính phủ); và (ii) quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với người tiêu dùng, cơ quan quản lý nhà nước của các chủ thể hoạt động TMĐT với bản chất tương đồng nhau, có xét đến các đặc thù riêng của mạng xã hội; (iii) đồng thời tạo môi trường kinh doanh ổn định, cạnh tranh bình đẳng trước pháp luật, việc bổ sung, làm rõ các quy định về hoạt động TMĐT của mạng xã hội tại Nghị định là cần thiết.

2.2.4. Quản lý thống nhất hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài

Thực tiễn cho thấy hiện nay hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài đang diễn ra dưới nhiều hình thái khác nhau không thuộc phạm vi điều chỉnh của khoản 1 Điều 2 Nghị định 52. Các hình thái chính bao gồm:

(i) Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam nhưng có hoạt động thương mại đối với người tiêu dùng Việt Nam;

(ii) Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam tham gia hoạt động thương mại trên các nền tảng TMĐT của Việt Nam;

(iii) Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư vào lĩnh vực TMĐT – là lĩnh vực có hạn chế về tiếp cận thị trường theo cam kết quốc tế của Việt Nam, nhưng không thành lập tổ chức kinh tế, không thực hiện dự án đầu tư, không theo hợp đồng liên doanh mà chủ yếu theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp (mua bán, sáp nhập).

Mặc dù hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài có nhiều mặt tích cực khi có mang lại tiến bộ về công nghệ, quản lý, làm phong phú nguồn cung hàng hóa cho người tiêu dùng, tuy nhiên, các hoạt động này cũng làm phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn của thị trường.

- Về phương diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng trong giao dịch TMĐT có yếu tố nước ngoài (theo các hình thái i, ii nêu trên), trường hợp trong quá trình giao dịch phát sinh tranh chấp hoặc khiếu nại của người tiêu

dùng, quyền, lợi ích của người tiêu dùng sẽ gặp thách thức lớn, khác biệt cơ bản so với trường hợp phát sinh với chủ thể có hiện diện tại Việt Nam.

Thứ nhất, cơ quan quản lý nhà nước, người tiêu dùng khi liên hệ với chủ thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ để giải quyết tranh chấp, khiếu nại sẽ gặp nhiều khó khăn, thậm chí là không thực hiện được mà chủ yếu phụ thuộc vào chính sách, thiện chí của từng chủ thể.

Thứ hai, việc cơ quan quản lý nhà nước, các chủ sở hữu hợp pháp đối với sản phẩm yêu cầu các chủ sở hữu của các hình thức TMĐT phối hợp xử lý những hành vi vi phạm pháp luật có nhiều bất cập, khó khả thi do khoảng cách địa lý, độ trễ thời gian, quyền tài phán và thậm chí là phụ thuộc hoàn toàn vào thiện chí của các chủ sở hữu nói trên.

Thứ ba, với việc những sàn TMĐT lớn đều cho phép cá nhân và thương nhân nước ngoài mở tài khoản bán hàng và hỗ trợ khâu logistics, dẫn đến người bán nước ngoài đã có thể dễ dàng bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng Việt Nam, và hàng hóa lưu thông theo kênh này không chịu sự kiểm soát về chất lượng cũng như khó quản lý về thuế. Trong bối cảnh hoạt động TMĐT phát triển trên quy mô toàn cầu, đây là những thách thức không nhỏ với cơ quan quản lý không chỉ riêng tại Việt Nam.

- Về phương diện môi trường kinh doanh, việc đảm bảo môi trường kinh doanh có cạnh tranh bình đẳng là một trong những yếu tố quan trọng hàng đầu cho sự phát triển bền vững, ổn định của lĩnh vực TMĐT. Thực tiễn hiện nay cho thấy đang có sự bất bình đẳng trong cạnh tranh trong môi trường kinh doanh, thể hiện ở các khía cạnh sau:

Thứ nhất, lĩnh vực bán lẻ hàng hóa có yếu tố nước ngoài là một trong những lĩnh vực có yêu cầu về tiếp cận thị trường vô cùng chặt chẽ. Theo đó, theo cam kết quốc tế của Việt Nam (trừ đối với một số FTA thế hệ mới), việc thành lập, mở rộng các hệ thống các cơ sở bán lẻ phải được kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) với trình tự, thủ tục chặt chẽ theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, riêng đối với lĩnh vực TMĐT có yếu tố nước ngoài, việc tiếp cận thị trường Việt Nam cũng phải được xem xét các yếu tố tiếp cận thị trường và phải được thẩm định, cho phép của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước khi hoạt động theo quy định của Nghị định số 09/2018/NĐ-CP nói trên. Như vậy, việc tiếp tục duy trì hiện trạng hiện nay trong quản lý nhà nước đối với các chủ thể hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài là không đảm bảo thị trường cạnh tranh bình đẳng giữa các loại hình bán lẻ hàng hóa (TMĐT và bán lẻ truyền thống; giữa các chủ thể hoạt động TMĐT trong nước và nước ngoài).

Thứ hai, với tốc độ tăng trưởng hàng năm thuộc top 03 quốc gia dẫn đầu khu vực Đông Nam Á, TMĐT Việt Nam đang là lĩnh vực thu hút mạnh các nhà đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài. Trong đó, hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài là hoạt động đầu tư vào lĩnh vực phân phối, bán lẻ hàng hóa thông qua các sàn giao dịch TMĐT sẽ dẫn đến sự kiểm soát mạnh mẽ chuỗi cung ứng từ sản xuất đến người tiêu dùng của Việt Nam. Hiện nay, cả 4 sàn giao dịch TMĐT lớn nhất (Shopee, Lazada, Tiki và Sendo) đều có sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó cá biệt có các nhà đầu tư đến từ chỉ một quốc gia nắm tỷ trọng đáng kể tại 3 sàn, dẫn đến rủi ro, chi phối kinh tế khó lường trước được.⁷

Hiện nay, Nghị định 52 không có quy định về việc quản lý hoạt động đầu tư nước ngoài vào doanh nghiệp kinh doanh sàn giao dịch TMĐT Việt Nam trong khi Điều 9 Luật Đầu tư (sửa đổi) số 61/2020/QH14 vừa được Quốc hội thông qua đã có quy định về ngành, nghề và điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài. Do vậy, việc xem xét, bổ sung các quy định liên quan đến hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài là có cơ sở pháp lý và thực tiễn.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP hướng đến các mục đích sau đây:

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về TMĐT để đáp ứng yêu cầu phát triển, đặc biệt trong bối cảnh TMĐT là hoạt động thương mại hiện đại có tăng trưởng nhanh và mạnh mẽ, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu thương mại, qua đó góp phần hướng đến phát triển kinh tế số và chuyển đổi số quốc gia.

⁷ Thực tiễn cho thấy, hoạt động đầu tư được thực hiện chủ yếu thông qua đầu tư gián tiếp thông qua công ty con tại một quốc gia thứ ba, hoặc thông qua các hình thức hợp tác kinh doanh khác ngoài việc góp cổ phần. Với những nguồn đầu tư gián tiếp, việc định danh, quản lý và giám sát doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực TMĐT gặp nhiều khó khăn. Trong thời gian gần đây, Bộ Công Thương nhận được ý kiến quan ngại từ một số cơ quan, tổ chức cho rằng với vai trò ngày càng lớn của TMĐT trong hệ thống phân phối nói riêng và hoạt động kinh tế-xã hội nói chung, việc nhà đầu tư nước ngoài chi phối lĩnh vực TMĐT có thể dẫn đến nhiều hệ lụy tiêu cực đối với hệ thống thương mại, thị trường sản xuất nội địa và vấn đề an ninh kinh tế, thông tin quốc gia, cụ thể:

- Thông qua nắm giữ các cơ sở dữ liệu liên quan đến hàng trăm nghìn người bán và hàng triệu người mua của các sàn giao dịch TMĐT, nhà đầu tư nước ngoài có thể khai thác một lượng lớn dữ liệu của người dân và kiểm soát được một kênh thông tin quan trọng có tác động đáng kể đến lĩnh vực sản xuất tiêu dùng trong tương lai.

- Nhà đầu tư nước ngoài, thông qua việc tham gia quản lý các sàn giao dịch TMĐT, có thể tác động đến chính sách chung của sàn trong việc hỗ trợ kỹ thuật và tạo thuận lợi cho người bán nước ngoài tham gia bán hàng trên sàn, từ đó tăng tỉ trọng hàng nhập khẩu trong các kênh phân phối trực tiếp đến người tiêu dùng;

- Khi sàn giao dịch TMĐT được kiểm soát bởi các nhà đầu tư nước ngoài, về lâu dài, có thể kéo theo nhiều hệ lụy như quảng bá và bán tràn lan hàng nước ngoài, giảm tỷ lệ hàng nội địa và người bán hàng Việt, từ đó triệt tiêu hoạt động sản xuất trong nước.

- Khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn thi hành Nghị định số 52 hướng đến đảm bảo môi trường lành mạnh, cạnh tranh bình đẳng cho hoạt động TMĐT; đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng trong TMĐT; không để TMĐT bị lợi dụng trở thành phương thức thực hiện các hành vi mua bán, lưu thông hàng hóa vi phạm pháp luật.

2. Quan điểm chỉ đạo

Việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 52 được tiến hành trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo chủ yếu sau đây:

Một là, thể chế hóa các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó TMĐT được coi là một trong những lĩnh vực ưu tiên phát triển.

Hai là, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan về hoạt động thương mại, đầu tư, quản lý an ninh, an toàn thông tin mạng; kế thừa những ưu điểm, phù hợp thực tiễn đồng thời khắc phục những bất cập, hạn chế của quy định pháp luật hiện hành.

Ba là, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của hoạt động TMĐT tại Việt Nam, phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Bốn là, tăng cường bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đảm bảo môi trường kinh doanh cạnh tranh công bằng, minh bạch giữa các mô hình phân phối hàng hóa; giữa các mô hình, phương thức tổ chức TMĐT; giữa các chủ thể trong nước, nước ngoài.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan liên quan và địa phương triển khai các công việc sau đây:

1. Bộ Công Thương có Tờ trình số 5333/TTr-BCT ngày 23 tháng 7 năm 2020 trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị định và đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020. 04 Chính sách được thông qua bao gồm:

- (i) Thu gọn đối tượng thực hiện thủ tục hành chính;
- (ii) Minh bạch thông tin hàng hóa, dịch vụ trong hoạt động TMĐT, chống hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;
- (iii) Quản lý hoạt động TMĐT trên mạng xã hội;

(iv) Quản lý hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài.

2. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị định;

3. Xây dựng dự thảo Nghị định và tài liệu thuộc Hồ sơ dự thảo Nghị định;

4. Tổ chức lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; các đối tượng chịu tác động trực tiếp của dự thảo Nghị định; cơ quan, tổ chức áp dụng, thi hành pháp luật; cơ sở đào tạo, nghiên cứu và chuyên gia có liên quan;

5. Tổ chức hội thảo, tọa đàm để lấy ý kiến của các đối tượng có liên quan;

6. Đăng tải dự thảo Nghị định và các tài liệu thuộc Hồ sơ dự thảo Nghị định trên Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử của Bộ Công Thương để lấy ý kiến rộng rãi cá nhân, tổ chức từ ngày...tháng...đến ngày...tháng...năm 2020;

7. Dự thảo Nghị định đã được thẩm định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 vào ngày ... tháng ... năm 2020.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định và kết quả các hoạt động nêu trên, Bộ Công Thương đã tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo Nghị định, tài liệu khác thuộc Hồ sơ dự thảo Nghị định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung

Dự thảo Nghị định gồm 03 Điều:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử

- Điều 2: Bãi bỏ một số điểm, khoản và nội dung quy định tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử.

- Điều 3: Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản của Nghị định 52 được sửa đổi, bổ sung

2.1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 1 phạm vi điều chỉnh và Điều 2 đối tượng áp dụng

- Sửa đổi, bổ sung phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 theo hướng loại trừ các giao dịch điện tử đối với các lĩnh vực đã được điều chỉnh bởi pháp luật chuyên ngành như dịch vụ tài chính, ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, xổ số; mua bán, trao đổi

tiền, vàng, ngoại hối và các phương tiện thanh toán khác; dịch vụ trò chơi trực tuyến, dịch vụ đặt cược hoặc trò chơi có thưởng, dịch vụ phát thanh, truyền hình và các dịch vụ khác.

- Sửa đổi, bổ sung đối tượng áp dụng tại Điều 2, đảm bảo Nghị định sửa đổi điều chỉnh các đối tượng là thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động TMĐT tại Việt Nam để thống nhất với quan điểm chung của Chính phủ về quản lý đối tượng này trong các lĩnh vực có liên quan như thủ tục hải quan về TMĐT, quản lý về internet, quảng cáo xuyên biên giới...

2.2. Bổ sung quy định tại Điều 3 giải thích từ ngữ

Bổ sung giải thích từ ngữ về “phương thức thanh toán đảm bảo trong TMĐT”. Nội dung này làm rõ phương thức thanh toán đảm bảo thông qua các đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán tại các website TMĐT có chức năng thanh toán trực tuyến.

2.3. Về các chủ thể của hoạt động TMĐT và nguyên tắc hoạt động TMĐT, các hành vi bị cấm trong hoạt động TMĐT (Điều 4, Điều 24, Điều 26)

- Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều hành vi bị cấm liên quan đến lợi dụng hoạt động TMĐT để kinh doanh theo phương thức đa cấp khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhằm phù hợp với quy định của Bộ Luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.

- Sửa đổi khái niệm người sở hữu website TMĐT bán hàng tại khoản 1 Điều 24 Nghị định 52.

- Sửa đổi nguyên tắc kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện tại khoản 4 Điều 26 Nghị định 52 để phù hợp với quy định của Luật Đầu tư năm 2020 đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thông qua TMĐT.

2.4. Sửa đổi quy định về trách nhiệm thực hiện thủ tục thông báo website TMĐT bán hàng (Điều 27)

Sửa đổi quy định về trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website TMĐT bán hàng tại Điều 27 Nghị định 52 theo hướng thu hẹp phạm vi thực hiện thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân. Theo đó, chỉ website TMĐT bán hàng có chức năng đặt hàng trực tuyến mới phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo với Bộ Công Thương.

2.5. Sửa đổi, bổ sung quy định nhằm minh bạch thông tin hàng hóa, dịch vụ trong hoạt động TMĐT, chống hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (Điều 30, Điều 33, Điều 36, Điều 38, Điều 54, Điều 74)

- Sửa đổi quy định về thông tin hàng hóa, dịch vụ trong hoạt động TMĐT tại Điều 30 Nghị định 52. Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định này theo hướng quản lý chặt hơn đối với thông tin hàng hóa công khai trên website, đồng thời các thông tin này phải theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa, phù hợp với đặc tính của từng loại hàng hóa.

- Bổ sung quy định về thông tin vận chuyển và giao nhận tại điểm d khoản 1 Điều 33 Nghị định 52; theo đó, bổ sung quy định về việc phân định rõ trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung ứng dịch vụ lưu kho, vận chuyển, giao hàng (gọi chung là dịch vụ logistics) về cung cấp chứng từ hàng hóa trong quá trình giao nhận, đảm bảo điều kiện thực thi cho các cơ quan phòng, chống hàng giả, hàng lậu, gian lận thương mại.

- Sửa đổi, bổ sung quy định theo hướng tăng cường trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch TMĐT tại Điều 36 Nghị định 52. Bổ sung khoản 11 Điều 36 theo hướng tăng cường trách nhiệm đối với những sàn giao dịch TMĐT bán lẻ có tích hợp chức năng đặt hàng và thanh toán trực tuyến.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về quy chế hoạt động của sàn giao dịch TMĐT tại Điều 38 để đồng bộ với việc bổ sung tăng cường trách nhiệm của chủ sàn giao dịch TMĐT

- Sửa đổi, bổ sung điều kiện thiết lập website cung cấp dịch vụ TMĐT tại Điều 54 Nghị định 52. Theo đó, thương nhân, tổ chức được thiết lập website cung cấp dịch vụ TMĐT phải bổ sung làm rõ mô hình hoạt động logistics đối với hàng hóa tại Đề án cung cấp dịch vụ TMĐT.

2.6. Sửa đổi, bổ sung quy định đối với quản lý hoạt động TMĐT trên mạng xã hội (Điều 35)

Với mục tiêu thiết lập cơ sở pháp lý đầy đủ cho TMĐT trên mạng xã hội hoạt động với định hướng tạo sân chơi công bằng, bình đẳng giữa các phương thức hoạt động TMĐT dù trong lãnh thổ Việt Nam hay xuyên biên giới; hạn chế hoạt động buôn bán hàng giả, hàng nhái, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường mạng, Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các hình thức hoạt động của sàn giao dịch TMĐT, theo đó khoản 2 Điều 35 đã bổ sung mạng xã hội có các đặc tính như sàn giao dịch TMĐT thì thực hiện theo quy định về sàn giao dịch TMĐT.

2.7. Bổ sung quy định về quản lý hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài (Điều 67a, Điều 67b, Điều 67c)

Bổ sung quy định về quản lý TMĐT có yếu tố nước ngoài tại mục 5 Chương IV Quản lý hoạt động TMĐT, gồm 03 Điều (Điều 67a, Điều 67b, Điều 67c). Theo đó, làm rõ chính sách đã được Chính phủ quyết nghị thông qua gồm các nội dung sau:

- Bổ sung các quy định cụ thể về thương nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động TMĐT tại Việt Nam;
- Bổ sung các điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Điều 9 Luật Đầu tư 2020;
- Quy định các trường hợp loại trừ của nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào tổ chức kinh tế là doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo để thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2.8. Sửa đổi, bổ sung quy định về tổ chức, thực hiện tại Điều 80

Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm cụ thể của các đơn vị liên quan trong việc quản lý hoạt động TMĐT, bao gồm: Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN (NẾU CÓ)

....

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử, Bộ Công Thương trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) .../ (2) ...)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, TMĐT, PC.

BỘ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

THUYẾT MINH

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về thương mại điện tử

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ năm 2020, theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Công Thương đã tổ chức nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 52/2013/NĐ-CP về thương mại điện tử (Nghị định 52), như sau:

I. Quy trình triển khai xây dựng dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 52 được Ban soạn thảo và Tổ biên tập tích cực nghiên cứu, triển khai soạn thảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm các hoạt động cụ thể:

1. Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện, quản lý hoạt động thương mại điện tử từ khi Nghị định 52 có hiệu lực.

2. Rà soát toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động thương mại điện tử. Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm quốc tế về quản lý thương mại điện tử, đặc biệt quản lý thương mại điện tử xuyên biên giới.

3. Thực hiện xây dựng Hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 52 theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn. Đề nghị xây dựng Nghị định đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020.

4. Tổ chức xây dựng dự thảo Nghị định theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập với thành viên là đại diện của các Bộ, ngành và đơn vị liên quan. Tổ chức đối thoại, làm việc trực tiếp với Hiệp hội thương mại điện tử và các doanh nghiệp chiếm thị phần lớn trong thị trường thương mại điện tử tại Việt Nam. Tổ chức Hội thảo xin ý kiến, về các vấn đề sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định.

II. Mục tiêu, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

1. Mục tiêu

Việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP hướng đến các mục tiêu sau đây:

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp luật về TMĐT để đáp ứng yêu cầu phát triển, đặc biệt trong bối cảnh TMĐT là hoạt động thương mại hiện đại có tăng trưởng nhanh và mạnh mẽ, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu thương mại, qua đó góp phần hướng đến phát triển kinh tế số và chuyển đổi số quốc gia.

- Khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh từ thực tiễn thi hành Nghị định số 52 hướng đến đảm bảo môi trường lành mạnh, cạnh tranh bình đẳng cho hoạt động TMĐT; đảm bảo quyền lợi người tiêu dùng trong TMĐT; không để TMĐT bị lợi dụng trở thành phương thức thực hiện các hành vi mua bán, lưu thông hàng hóa vi phạm pháp luật.

2. Quan điểm

Việc đề xuất xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 52 được tiến hành trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo chủ yếu sau đây:

- Thúc đẩy các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trong đó TMĐT được coi là một trong những lĩnh vực ưu tiên phát triển.

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp; tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan về hoạt động thương mại, đầu tư, quản lý an ninh, an toàn thông tin mạng; kế thừa những ưu điểm, phù hợp thực tiễn đồng thời khắc phục những bất cập, hạn chế của quy định pháp luật hiện hành.

- Đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam, phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Tăng cường bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đảm bảo môi trường kinh doanh cạnh tranh công bằng, minh bạch giữa các mô hình phân phối hàng hóa; giữa các mô hình, phương thức tổ chức TMĐT; giữa các chủ thể trong nước, nước ngoài.

III. Cấu trúc của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định có 03 điều, gồm:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử.

- Điều 2: Bãi bỏ một số nội dung tại Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về Thương mại điện tử.

- Điều 3: Điều khoản thi hành

IV. Nội dung của dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 52

1. Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 1 phạm vi điều chỉnh và Điều 2 đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh: làm rõ phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định theo hướng loại trừ các hoạt động giao dịch điện tử đã được điều chỉnh tại pháp luật chuyên ngành.

Cụ thể, Điều 1 Nghị định 52 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Nghị định này quy định về việc phát triển, ứng dụng và quản lý hoạt động thương mại điện tử.

2. Các giao dịch điện tử đối với dịch vụ tài chính, ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm, xổ số; mua bán, trao đổi tiền, vàng, ngoại hối và các phương tiện thanh toán khác; dịch vụ trò chơi trực tuyến, dịch vụ đặt cược hoặc trò chơi có thưởng, dịch vụ phát thanh, truyền hình và các dịch vụ khác đã được quy định tại pháp luật chuyên ngành không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.”

Lý do: Việc loại trừ đảm bảo tránh chồng chéo, cũng như thống nhất hệ thống pháp luật hiện hành.

1.2. Đối tượng áp dụng: sửa đổi đối tượng “thương nhân, tổ chức nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam” tại Nghị định 52 thành “thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam”.

Cụ thể, điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị định 52 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Thương nhân, tổ chức nước ngoài có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam.”

Lý do: Hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài (đặc biệt của những thương nhân, tổ chức không có hiện diện tại Việt Nam) hiện đang là khoảng trống chính sách lớn do thiếu vắng các quy định cụ thể tại Nghị định 52/2013/NĐ-CP cũng như các văn bản khác. Trong khi đó, cùng với sự phát triển nhanh và mạnh mẽ của TMĐT trong 5 năm gần đây, lĩnh vực này cũng đang thu hút sự quan tâm và tham gia ngày càng sâu của các thương nhân, nhà đầu tư nước ngoài theo nhiều hình thức khác nhau. Để đáp ứng yêu cầu thực tế trong giai đoạn mới, dự thảo Nghị định này bổ sung điều chỉnh đối với hoạt động TMĐT của thương nhân, tổ chức nước ngoài tại Mục 5 Chương IV Quản lý hoạt động TMĐT (Điều 67a, Điều 67b và Điều 67c).

2. Bổ sung quy định tại Điều 3 giải thích từ ngữ

Bổ sung giải thích từ ngữ về “*phương thức thanh toán đảm bảo trong thương mại điện tử*”.

Cụ thể, dự thảo Nghị định bổ sung khoản 16 Điều 3 Nghị định 52 như sau:

“16. Phương thức thanh toán đảm bảo trong thương mại điện tử là việc chủ sở hữu website thương mại điện tử ký hợp đồng với đơn vị cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán, theo đó khoản tiền trả trước bằng phương thức thanh toán trực tuyến của khách hàng trong giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ được giữ trong tài khoản trung gian trong một thời gian nhất định để đảm bảo cho việc giải quyết tranh chấp giữa khách hàng và người bán.”

Lý do: dự thảo Nghị định bổ sung thêm quy định về trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website TMĐT có chức năng thanh toán trực tuyến tại Điều 74 Nghị định 52.

3. Về các chủ thể của hoạt động TMĐT và nguyên tắc hoạt động TMĐT, các hành vi bị cấm trong hoạt động TMĐT (Điều 4, Điều 24, Điều 26)

3.1. Sửa đổi hành vi bị cấm liên quan đến lợi dụng hoạt động TMĐT để kinh doanh theo phương thức đa cấp khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

Cụ thể, điểm a khoản 1 Điều 4 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Lợi dụng hoạt động thương mại điện tử để kinh doanh theo phương thức đa cấp nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp.”

Lý do: Nội dung sửa đổi nhằm phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, và phù hợp với Điều 290 (điểm d khoản 1) Bộ Luật Hình sự 2015 và Điều 217a Bộ Luật hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3.2. Sửa đổi khái niệm người sở hữu website TMĐT bán hàng từ “các thương nhân, tổ chức, cá nhân **tự thiết lập** website thương mại điện tử để phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ của mình” thành “các thương nhân, tổ chức, cá nhân **thiết lập** website thương mại điện tử để phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ của mình”

Lý do: thực tiễn thi hành Nghị định 52 trong thời gian qua cho thấy, người tự thiết lập website TMĐT chưa chắc là người sở hữu website, do các website này có thể được thiết lập theo yêu cầu đặt hàng của người sở hữu website, hoặc người tự thiết lập website sau đó cho thuê lại theo nhu cầu sử dụng và không tham gia điều hành hay hoạt động kinh doanh trên website.

3.3. Sửa đổi, khái niệm thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 52. Theo đó, chủ thể thiết lập website TMĐT để tiến hành hoạt động trung gian thương mại được coi là thương nhân, tổ chức cung

cấp dịch vụ TMĐT. Mặt khác, khoản 2 Điều 24 Nghị định 52 bổ sung thêm quy định loại trừ những chủ thể chỉ thực hiện cung cấp dịch vụ thiết kế website và không tham gia trực tiếp vào hoạt động kinh doanh, điều hành hoặc điều phối các hoạt động trên website thì không phải là thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT.

Cụ thể, khoản 2 Điều 24 Nghị định 52 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Các thương nhân, tổ chức thiết lập website thương mại điện tử để tiến hành hoạt động trung gian thương mại, cung cấp môi trường cho thương nhân, tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ (thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử).

Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ thương mại điện tử không bao gồm các thương nhân tổ chức chỉ thực hiện cung cấp dịch vụ thiết kế website và không tham gia trực tiếp vào hoạt động kinh doanh, điều hành hoặc điều phối các hoạt động trên website đó.”

Lý do: Theo quy định của Luật Thương mại, các hoạt động trung gian thương mại là hoạt động của thương nhân để thực hiện các giao dịch thương mại cho một hoặc một số thương nhân được xác định, bao gồm hoạt động đại diện cho thương nhân, môi giới thương mại, uỷ thác mua bán hàng hoá và đại lý thương mại. Cùng với sự phát triển của TMĐT, nhiều dịch vụ đi kèm cũng phát triển theo nhưng chưa được làm rõ tại Nghị định 52; ví dụ, hoạt động mua hộ hàng hóa từ các đường link website nước ngoài, môi giới việc làm, môi giới bất động sản... Việc sửa đổi này đảm bảo các chủ thể thiết lập website để thực hiện các hoạt động thương mại nói trên phải tuân thủ theo các quy định về trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ TMĐT.

3.4. Sửa đổi nguyên tắc kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện thông qua TMĐT.

Cụ thể, khoản 4 Điều 26 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Nguyên tắc kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện, thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thông qua thương mại điện tử.

Hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện, thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện phải tuân thủ các quy định pháp luật liên quan.”

Lý do: nhằm phù hợp với quy định của Luật Đầu tư năm 2020 đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

4. Sửa đổi quy định về trách nhiệm thực hiện thủ tục thông báo website TMĐT bán hàng (Điều 27)

Sửa đổi quy định về trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website TMĐT bán hàng tại Điều 27 Nghị định 52 theo hướng chỉ website có chức năng đặt hàng trực tuyến mới phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo với Bộ Công Thương (quy định tại Nghị định 52 là toàn bộ website TMĐT bán hàng phải thực hiện thông báo). Theo đó, khoản 1, khoản 4 và khoản 7 Điều 27 Nghị định 52 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Thông báo với Bộ Công Thương về việc thiết lập website thương mại điện tử bán hàng theo quy định tại Mục 1 Chương IV Nghị định này nếu website có chức năng đặt hàng trực tuyến.

4. Thực hiện các quy định về quy trình giao kết hợp đồng tại Mục 2 Chương II Nghị định này nếu website có chức năng đặt hàng trực tuyến; thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật khác có liên quan trong hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ.

7. Lưu trữ thông tin đầy đủ về người mua, lịch sử giao dịch được thực hiện qua website theo quy định pháp luật; Công bố công khai số điện thoại tiếp nhận phản ánh về chất lượng hàng hóa, dịch vụ và có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật.”

Lý do: Thực tiễn triển khai Nghị định 52/2013/NĐ-CP thời gian qua cho thấy, nhiều website TMĐT bán hàng có cấu trúc tĩnh, chỉ đưa thông tin giới thiệu doanh nghiệp và giới thiệu về hàng hóa, dịch vụ, ít cập nhật thông tin, không có chức năng đặt hàng trực tuyến. Với những website dạng này, không có tương tác và giao dịch thực tế diễn ra trên website, do đó không phát sinh những vấn đề cần giám sát trên môi trường điện tử. Việc sửa đổi này giảm 49% đối tượng phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo trong năm, hiện nay lượng hồ sơ thông báo trung bình là 10.000 bộ/năm.

5. Sửa đổi, bổ sung quy định nhằm minh bạch thông tin hàng hoá, dịch vụ trong hoạt động TMĐT, chống hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (Điều 30, Điều 33, Điều 36, Điều 38, Điều 54, Điều 74)

5.1. Sửa đổi quy định về thông tin hàng hóa, dịch vụ trong hoạt động TMĐT. Cụ thể, Điều 30 Nghị định 52 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 30. Thông tin về hàng hóa, dịch vụ

1. Thông tin về hàng hóa, dịch vụ trên website thương mại điện tử bán hàng phải bao gồm các nội dung theo quy định pháp luật về nhãn hàng hóa trừ các thông tin có tính chất riêng biệt theo sản phẩm như: năm, tháng, ngày sản xuất; hạn sử dụng, số lô sản xuất, số khung, số máy.

2. Đối với website thương mại điện tử có hoạt động thương mại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện hoặc thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, website thương mại điện tử phải công bố trên website của mình số, ngày cấp và nơi cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện, văn bản xác nhận, hoặc các hình thức văn bản khác theo quy

định pháp luật về điều kiện kinh doanh của ngành, nghề và hàng hóa, dịch vụ đó.”

Lý do: Với đặc thù của hoạt động TMĐT là người mua và người bán không gặp mặt trực tiếp, các hành vi vi phạm pháp luật có thể được thực hiện dễ dàng hơn, làm ảnh hưởng tới niềm tin người tiêu dùng. Một số đối tượng lợi dụng TMĐT để thực hiện các hành vi lừa đảo, mua bán hàng hoá không rõ nguồn gốc xuất xứ, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng cấm, với các cách thức đưa tin, đăng bài tinh vi, phức tạp để tránh bộ lọc của đơn vị quản lý website và cơ quan chức năng. Nghị định 52 quy định người bán hàng hóa, dịch vụ giới thiệu trên website TMĐT phải cung cấp những thông tin để khách hàng có thể xác định chính xác các đặc tính của hàng hóa, dịch vụ; tuy nhiên, Nghị định không quy định cụ thể thông tin hàng hóa nào bắt buộc phải công khai.

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định này theo hướng quản lý chặt hơn đối với thông tin hàng hóa công khai trên website, đồng thời các thông tin này phải theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa, loại trừ các thông tin mang tính chất riêng biệt theo sản phẩm như ngày, tháng, năm sản xuất, hạn sử dụng, số lô sản xuất. Việc loại trừ một số thông tin đặc định đối với hàng hóa như ngày sản xuất, hạn sử dụng, số lô sản xuất... là cần thiết do mỗi sản phẩm thương mại điện tử có trưng bày, giới thiệu, bán hàng triệu mặt hàng khác nhau. Trong đó, mỗi mặt hàng lại có thông tin đặc tính như ngày sản xuất, hạn sử dụng, số lô sản xuất khác nhau mặc dù cùng đáp ứng đủ quy chuẩn, tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Việc không loại trừ các thông tin này sẽ dẫn đến các sàn TMĐT phải kiểm soát bổ sung một lượng thông tin vô cùng lớn, thậm chí là bất khả thi.

Bên cạnh đó, để các cơ quan phòng, chống gian lận thương mại, người tiêu dùng có thể dễ dàng kiểm tra, kiểm soát thông tin, uy tín, tính chấp hành pháp luật của người bán đối với các mặt hàng kinh doanh có điều kiện, Dự thảo đã bổ sung quy định nghĩa vụ của chủ website TMĐT phải công bố các văn bản chứng nhận, giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp.

5.2. Bổ sung quy định về thông tin vận chuyển và giao nhận tại điểm d khoản 1 Điều 33 Nghị định 52. Theo đó, bổ sung quy định về việc giới hạn trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung ứng dịch vụ lưu kho, vận chuyển, giao hàng (gọi chung là dịch vụ logistics) về cung cấp chứng từ hàng hóa trong quá trình giao nhận.

Cụ thể, điểm d khoản 1 Điều 33 Nghị định 52 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“d) Giới hạn trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung ứng dịch vụ lưu kho, vận chuyển, giao hàng (gọi chung là dịch vụ logistics) về cung cấp chứng từ hàng hóa trong quá trình giao nhận.”

Lý do: Đây là một trong những nội dung nhằm khắc phục các thực tiễn khó khăn, vướng mắc hiện nay trong công tác phòng, chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng lậu, hàng nhái do các cơ quan chức năng đã phát hiện trong thời gian vừa qua. Căn cứ các quy định của Bộ Luật Dân sự 2015 (từ Điều 530 đến Điều 541), Luật Thương mại 2005 (từ Điều 233 đến Điều 240), Luật Giao thông đường bộ 2008 (Điều 73 đến Điều 75)..., quy định mới đảm bảo trường hợp chủ website/sàn giao dịch TMĐT không phải là đơn vị trực tiếp cung ứng dịch vụ logistics, thì chủ thể sở hữu website phải tự làm rõ giới hạn trách nhiệm cung cấp hóa đơn, chứng từ, thông tin hàng hóa với đơn vị cung ứng dịch vụ logistics trong quá trình giao nhận

5.3. Sửa đổi, bổ sung quy định theo hướng tăng cường trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch TMĐT tại Điều 36 Nghị định 52 cụ thể như sau:

5.3.1. Khoản 3 Điều 36 Nghị định 52 được bổ sung theo hướng khi sàn giao dịch TMĐT có người bán nước ngoài thì chủ thể sàn phải có trách nhiệm yêu cầu người bán cung cấp thông tin tại Điều 29 Nghị định 52, và các thông tin này phải được dịch sang tiếng Việt, các tên riêng phải được phiên âm tiếng Việt hoặc thể hiện bằng ký tự La tinh, cụ thể:

“3. Yêu cầu thương nhân, tổ chức, cá nhân là người bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 29 Nghị định này khi đăng ký sử dụng dịch vụ. Trong trường hợp người bán là thương nhân nước ngoài, thông tin này phải được dịch sang tiếng Việt, các tên riêng được phiên âm tiếng Việt hoặc thể hiện bằng ký tự La tinh.”

Lý do: Thực tế sàn giao dịch TMĐT hiện nay có tồn tại trường hợp người bán đến từ các quốc gia sử dụng hệ thống ngôn ngữ có ký tự riêng biệt như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, khi không phiên âm sang ký tự La tinh, sẽ gây khó khăn đối với người mua hàng, bản thân chủ sàn giao dịch TMĐT cũng không nắm rõ thông tin của người bán nước ngoài, dẫn đến việc thực hiện giao kết hợp đồng, cũng như giải quyết trong quá trình giao kết phức tạp, quá trình giải quyết tranh chấp khi phát sinh vấn đề cũng bị ảnh hưởng, đơn vị quản lý chức năng khó tiếp cận và xử lý vi phạm.

5.3.2. Khoản 8 Điều 36 Nghị định 52 bổ sung các quy định nhằm làm rõ trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch TMĐT.

Theo đó, khoản 8 Điều 36 Nghị định 52 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“8. Có biện pháp xử lý kịp thời khi phát hiện hoặc nhận được phản ánh về hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật trên sàn giao dịch thương mại điện tử:

a) Có biện pháp ngăn chặn và loại bỏ khỏi website những thông tin mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.

b) Kịp thời gỡ bỏ hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật trong vòng 24h kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

c) Phối hợp với các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ, cơ quan quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ để gỡ bỏ các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nếu có căn cứ xác thực.”

Lý do: Hiện nay, các sàn giao dịch TMĐT là nơi tập trung phần lớn giao dịch TMĐT B2C và C2C, đồng thời cũng là nơi mà vấn nạn hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ được phản ánh rõ nét nhất. Khoản 8 Điều này bổ sung quy định cụ thể về thời hạn gỡ bỏ hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, đáp ứng nhu cầu phản ứng nhanh trong quá trình xử lý vi phạm trên môi trường điện tử. Khoản 8 Điều này cũng bổ sung quy định liên quan đến trách nhiệm phối hợp với các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ để gỡ bỏ các sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ khi có căn cứ xác thực.

5.3.3. Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 36 theo hướng các chủ thể này phải cung cấp thông tin với cơ quan nhà nước về thông tin các đối tượng có hành vi vi phạm, chủ động cập nhật từ khóa để lọc thông tin hàng hóa, dịch vụ theo khuyến cáo của cơ quan quản lý chức năng, đồng thời phải tham gia giải quyết khiếu nại, phản ánh và tranh chấp tại Cổng thông tin Quản lý hoạt động TMĐT của Bộ Công Thương.

Cụ thể, khoản 9 Điều 36 Nghị định 52, được sửa đổi, bổ sung như sau:

“9. Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước xử lý các hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp, khiếu nại.

a) Cung cấp thông tin về đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật trên sàn giao dịch thương mại điện tử

b) Thường xuyên cập nhật từ khóa theo khuyến cáo từ các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và lọc thông tin theo từ khóa trước khi đăng tải thông tin về hàng hóa, dịch vụ.

c) Tham gia giải quyết khiếu nại, phản ánh và các tranh chấp từ doanh nghiệp và người tiêu dùng thông qua hệ thống quản lý và giải quyết khiếu nại, tranh chấp trực tuyến tại Cổng thông tin Quản lý hoạt động thương mại điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ online.gov.vn.”

Lý do: Tăng cường trách nhiệm của chủ sở hữu sàn giao dịch TMĐT trong việc hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước xử lý các hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật và giải quyết tranh chấp.

5.3.4. Tăng cường trách nhiệm đối với những sàn giao dịch TMĐT bán lẻ có tích hợp chức năng đặt hàng và thanh toán trực tuyến. Theo đó, Nghị định bổ sung khoản 11 Điều 36 Nghị định 52 như sau:

“11. Đối với những sàn giao dịch thương mại điện tử bán lẻ có tích hợp chức năng đặt hàng và thanh toán trực tuyến, ngoài các nghĩa vụ trên, thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử có trách nhiệm:

a) Cung cấp công cụ hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước tra cứu, định danh người bán, các giao dịch liên quan tới người bán để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

b) Thay mặt cho thương nhân, tổ chức nước ngoài trên sàn giao dịch thương mại điện tử giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng liên quan đến hàng hóa, dịch vụ do thương nhân nước ngoài cung cấp và có trách nhiệm khai, khấu trừ và nộp thuế nhà thầu theo quy định.

c) Là đầu mối tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng trong trường hợp một giao dịch thực hiện trên sàn giao dịch thương mại điện tử có nhiều hơn 02 bên tham gia.

d) Liên đới trách nhiệm về hàng hóa, dịch vụ bán trên sàn giao dịch thương mại điện tử nếu không thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các khoản 8, 9 Điều này.

Lý do: Việc bổ sung quy định tại khoản 11 là cần thiết do quản lý hoạt động TMĐT trên các sàn giao dịch TMĐT có thanh toán trực tuyến phức tạp hơn khi việc đặt mua và thanh toán hàng hoá, dịch vụ thực hiện trực tiếp thông qua website. Thực tiễn cho thấy, nhiều trường hợp giao dịch thanh toán liên quan đến nhiều hơn 02 bên tham gia, dẫn đến thông tin giao dịch không minh bạch, rõ ràng về đầu mối tiếp nhận, giải quyết khiếu nại của người tiêu dùng khi phát sinh, đặc biệt trong trường hợp người bán là nước ngoài việc xác định cụ thể trách nhiệm của chủ sàn là cần thiết.

5.4. Sửa đổi, bổ sung quy định về quy chế hoạt động của sàn giao dịch TMĐT tại Điều 38, cụ thể:

“ Sửa đổi, bổ sung điểm c, điểm đ, điểm g khoản 2 Điều 38 như sau:

c) Nếu sàn giao dịch thương mại điện tử tích hợp nhiều hình thức hoạt động khác nhau, mô tả quy trình giao dịch đối với từng hình thức tổ chức hoạt động này, bao gồm quy trình giao nhận hàng hóa (nếu có);

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên trong các giao dịch được thực hiện trên sàn giao dịch thương mại điện tử, trường hợp một giao dịch có nhiều hơn 02 bên tham gia thì phải phân định rõ trách nhiệm giữa các bên bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ;

g) Các quy định về an toàn thông tin, cơ chế kiểm tra, giám sát để đảm bảo việc cung cấp thông tin và quản lý thông tin trên sàn giao dịch thương mại điện tử;”

“Bổ sung điểm m khoản 2 Điều 38 như sau:

m) Công bố rõ ràng phạm vi trách nhiệm về cung cấp chứng từ hàng hóa giữa người bán, bên cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử và bên cung cấp dịch vụ logistics trong trường hợp có giao kết sử dụng dịch vụ logistics của bên thứ ba.”

Lý do: để đồng bộ với các quy định về tăng cường trách nhiệm của chủ sàn giao dịch TMĐT trong việc chủ động công bố rõ ràng phạm vi trách nhiệm về cung cấp chứng từ hàng hóa giữa người bán, bên cung cấp dịch vụ sàn giao dịch TMĐT và bên cung cấp dịch vụ logistics trong trường hợp có giao kết sử dụng dịch vụ logistics của bên thứ ba.

5.5. Sửa đổi, bổ sung điều kiện thiết lập website cung cấp dịch vụ TMĐT, cụ thể điểm a khoản 3 Điều 54 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Mô hình tổ chức hoạt động, bao gồm hoạt động cung cấp dịch vụ, hoạt động xúc tiến, tiếp thị dịch vụ cả trong và ngoài môi trường trực tuyến; hoạt động logistics đối với hàng hóa.”

Lý do: Tăng cường trách nhiệm của thương nhân, tổ chức được thiết lập website cung cấp dịch vụ TMĐT trong việc bổ sung làm rõ tại Đề án cung cấp dịch vụ về mô hình hoạt động logistics đối với hàng hóa.

5.6. Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website TMĐT có chức năng thanh toán trực tuyến theo hướng những website này bắt buộc phải cho phép khách hàng lựa chọn phương thức thanh toán đảm bảo khi website có chức năng thanh toán trực tuyến. Theo đó, dự thảo Nghị định bổ sung điểm khoản 4 Điều 74 Nghị định 52 như sau:

“4. Thương nhân, tổ chức, cá nhân sở hữu website thương mại điện tử có chức năng thanh toán trực tuyến phải cho phép khách hàng lựa chọn phương thức thanh toán đảm bảo.”

Lý do: Với quy định này, người tiêu dùng sẽ có thêm quyền lựa chọn loại hình thanh toán qua đơn vị trung gian thanh toán, theo đó, khoản tiền trả trước của khách hàng sẽ được tạm giữ bởi đơn vị trung gian đã được ngân hàng nhà nước cấp phép, và khoản tiền này sẽ được lưu lại trong khoảng thời gian nhất định, hỗ trợ giải quyết các tranh chấp phát sinh trong quá trình giao kết hợp đồng giữa chủ website, với người mua hàng (đối với website TMĐT bán hàng); hoặc giữa chủ website, với người bán, và người mua hàng (đối với website cung cấp dịch vụ TMĐT).

6. Sửa đổi, bổ sung quy định đối với quản lý hoạt động TMĐT trên mạng xã hội (Điều 35).

Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các hình thức hoạt động của sàn giao dịch TMĐT, theo đó khoản 2 Điều 35 đã bổ sung mạng xã hội có các đặc tính như cho phép người tham gia được mở gian hàng hoặc lập website nhánh để trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ; hoặc cho phép người tham gia được mở tài khoản để thực hiện quá trình giao kết hợp đồng khi cung cấp dịch vụ cho

khách hàng; hoặc có chuyên mục mua bán, trên đó cho phép người tham gia đăng tin mua bán hàng hóa và dịch vụ thì được coi là sàn giao dịch TMĐT.

Cụ thể, khoản 2 Điều 35 Nghị định 52 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Các hình thức hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử:

a) Website cho phép người tham gia được mở các gian hàng hoặc lập các website nhánh để trưng bày, giới thiệu hàng hóa hoặc dịch vụ;

b) Website cho phép người tham gia được mở tài khoản để thực hiện quá trình giao kết hợp đồng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng;

c) Website có chuyên mục mua bán, trên đó cho phép người tham gia đăng tin mua bán hàng hóa và dịch vụ;

d) Mạng xã hội có một trong các đặc tính nêu trên.”

Lý do: Với mục tiêu thiết lập cơ sở pháp lý đầy đủ, hoàn thiện chính sách, tăng cường kiểm soát hoạt động TMĐT trên mạng xã hội, hạn chế hành vi lợi dụng mạng xã hội để buôn bán hàng giả, hàng nhái, hàng vi phạm sở hữu trí tuệ trên môi trường mạng. Bảo đảm các đối tượng thiết lập mạng xã hội có tính năng như sàn giao dịch TMĐT ở nước ngoài nhưng có hoạt động sinh lời tại Việt Nam nằm trong điều chỉnh của pháp luật về TMĐT Việt Nam. Với việc bổ sung quy định như trên, thì chủ sở hữu các mạng xã hội này phải tuân thủ, thực hiện các quy định về trách nhiệm của thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch TMĐT, thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ TMĐT với Bộ Công Thương và các quy định khác tại Nghị định.

7. Bổ sung quy định về quản lý hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài (Sửa đổi Điều 55 và bổ sung mục 5 tại Chương IV Quản lý hoạt động TMĐT bao gồm Điều 67a, Điều 67b, Điều 67c)

7.1. Bổ sung quy định về thương nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động TMĐT tại Việt Nam.

Cụ thể, bổ sung Điều 67a như sau:

Phương án 1:

1. Thương nhân, tổ chức nước ngoài thiết lập website hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam là thương nhân, tổ chức có một trong các hình thức hoạt động sau:

a) Thiết lập website thương mại điện tử dưới tên miền Việt Nam hoặc website thương mại điện tử có ngôn ngữ tiếng Việt;

b) Thiết lập sàn giao dịch thương mại điện tử có 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trong một năm.

2. Thương nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam phải thực hiện thông báo, đăng ký hoạt động thương mại điện tử

theo quy định tại Nghị định này; đồng thời đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chất lượng sản phẩm, hàng hóa thông qua văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Phương án 2:

1. Thương nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động thương mại điện tử thông qua việc thiết lập website dưới tên miền Việt Nam hoặc website có ngôn ngữ tiếng Việt, hoặc thiết lập sàn giao dịch thương mại điện tử mà trên đó lượt giao dịch/lượt truy cập/số đơn hàng của tổ chức, cá nhân Việt Nam vượt quá một ngưỡng nhất định thì phải thực hiện đăng ký hoạt động thương mại điện tử theo quy định tại Nghị định này; đồng thời đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, chất lượng sản phẩm, hàng hóa thông qua chỉ định đại diện pháp lý của mình tại Việt Nam.

2. Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan quy định ngưỡng giao dịch/lượt truy cập/số đơn hàng tại khoản 1 Điều này theo từng thời kỳ và phù hợp với thực tiễn của hoạt động thương mại.

2. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải thực hiện thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật hải quan.

3. Lượt giao dịch/lượt truy cập/số đơn hàng từ Việt Nam được căn cứ từ các nguồn sau:

a) Thương nhân, tổ chức tự nguyện báo cáo theo quy định của Nghị định này;

b) Theo số liệu chính thức của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam gồm: cơ quan hải quan; cơ quan quản lý nhà nước về internet; cơ quan quản lý nhà nước về ngân hàng, thuế;

c) Theo các báo cáo, thông tin sẵn có, công khai mà cơ quan quản lý nhà nước có liên quan chứng minh được tính xác thực hoặc từ các tổ chức có uy tín được công nhận trên thế giới.

Lý do: Sự hiện diện của các công ty lớn về công nghệ và TMĐT trên thị trường Việt Nam được nhiều cơ quan, tổ chức, chuyên gia cảnh báo về sự không tương đồng giữa TMĐT và thương mại bán lẻ, trong khi bản chất đều là hoạt động phân phối hàng hóa đến tay người tiêu dùng. Dự thảo Nghị định bổ sung Điều 67a quy định cụ thể về thương nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động TMĐT tại Việt Nam. Phương án 1 quy định cụ thể về khái niệm hoạt động của thương nhân, tổ chức nước ngoài hoạt động TMĐT tại Việt Nam, theo đó thương nhân, tổ chức nước ngoài được coi là có hoạt động TMĐT tại Việt Nam khi thiết lập website dưới tên miền Việt Nam hoặc website có ngôn ngữ tiếng Việt; hoặc thiết lập sàn giao dịch thương mại điện tử có 100.000 lượt giao dịch từ Việt Nam trong một năm. Việc đặt ngưỡng có tham khảo số liệu từ kinh nghiệm quốc tế

(mới đây nhất là Indonesia) và các giao dịch của các sản phẩm TMĐT nội địa¹; trong khi đó Phương án 2 không quy định ngưỡng cụ thể mà giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan quy định ngưỡng giao dịch/ lượt truy cập/số đơn hàng theo từng thời kỳ và phù hợp với thực tiễn của hoạt động thương mại.

Dự thảo có quy định rõ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu dù theo phương thức thương mại thông thường hay thương mại điện tử thì đều phải thực hiện thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật hải quan. Nội dung này là phù hợp với định hướng chung của Chính phủ trong xây dựng khuôn khổ pháp luật quản lý các hoạt động xuyên biên giới thông qua nền tảng internet.

Bên cạnh đó, dù theo phương án 1 hay phương án 2, Dự thảo cũng quy định rõ căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước tính toán lượt giao dịch hay lượt truy cập, số đơn hàng từ Việt Nam. Trong đó, có 3 căn cứ tính toán chủ yếu sau: (i) Căn cứ ưu tiên là các tổ chức, cá nhân có hoạt động TMĐT xuyên biên giới vào Việt Nam qua hoạt động kinh doanh của mình tự nguyện báo cáo số liệu giao dịch với Việt Nam. Các tổ chức này thường là các tổ chức lớn, có thương hiệu trong khu vực và thế giới, có tính chấp hành pháp luật cao; (ii) Khi các tổ chức, cá nhân không tự nguyện báo cáo, cơ quan quản lý nhà nước có thể thu thập thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan khác như hải quan (quá trình hàng hóa thực hiện thủ tục hải quan), thuế (trong quá trình thu thuế theo quy định của pháp luật về thuế), cơ quan quản lý internet (số lượng truy cập), cơ quan ngân hàng (lượng giao dịch); (iii) Trường hợp các nguồn trên không cung cấp đầy đủ thông tin, cơ quan quản lý nhà nước có thể thu thập được từ các nguồn công khai, uy tín (các báo cáo của tổ chức đánh giá tín nhiệm chuyên ngành toàn cầu như Fitch, S&P, Pew Research Center) hay của các cơ quan quản lý nhà nước sở tại hoặc toàn cầu (Hoa Kỳ, EU, OECD...); hoặc nguồn từ chính các báo cáo tài chính, báo cáo kiểm toán của các tổ chức, doanh nghiệp này phải công khai theo quy định của pháp luật sở tại.

Thương nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ TMĐT tại Việt Nam ngoài việc thực hiện nghĩa vụ thủ tục hành chính đăng ký với Bộ Công Thương, phải có trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều này về việc phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước thực hiện ngăn chặn giao dịch hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật Việt Nam, đồng thời thực hiện nghĩa vụ báo cáo theo quy định tại Điều 57 Nghị định 52, cụ thể như sau:

“4. Trách nhiệm của thương nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp dịch vụ sản phẩm giao dịch thương mại điện tử tại Việt Nam

a) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước thực hiện ngăn chặn giao dịch các hàng hóa, dịch vụ vi phạm pháp luật Việt Nam;

¹ Tham khảo quy định liên quan đến giới hạn đầu tư nước ngoài của Indonesia: Các tổ chức TMĐT nước ngoài phải thiết lập văn phòng đại diện tại Indonesia khi: (i) hoàn tất trên 1.000 giao dịch với khách hàng Indonesia trong vòng một năm; hoặc (ii) đã giao trên 1.000 gói hàng tới khách hàng Indonesia trong vòng một năm.

b) Thực hiện nghĩa vụ báo cáo theo quy định tại Điều 57 Nghị định này.”

7.2. Bổ sung quy định đối với Thương nhân, tổ chức nước ngoài bán hàng hóa trên sàn giao dịch thương mại điện tử Việt Nam, cụ thể như sau:

“Điều 67b. Thương nhân, tổ chức nước ngoài bán hàng hóa trên sàn giao dịch thương mại điện tử Việt Nam

1. Thương nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện hoạt động bán hàng hóa theo quy chế hoạt động của sàn giao dịch thương mại điện tử Việt Nam

2. Thương nhân, tổ chức cung cấp dịch vụ sàn giao dịch thương mại điện tử Việt Nam có trách nhiệm xác thực danh tính của thương nhân, tổ chức nước ngoài bán hàng hóa trên sàn giao dịch thương mại điện tử đó, đồng thời có trách nhiệm sau:

a) Yêu cầu thương nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; hoặc

b) Tổ chức việc thực hiện hoạt động nhập khẩu theo ủy thác của người mua đối với hàng hóa do thương nhân, tổ chức nước ngoài giao dịch trên sàn giao dịch thương mại điện tử; hoặc

c) Yêu cầu thương nhân, tổ chức nước ngoài chỉ định đại lý thương mại của mình tại Việt Nam.

3. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan.”

Lý do: Nghị định 52 không có quy định cụ thể đối với người bán nước ngoài trên sàn giao dịch TMĐT, tuy nhiên, thời gian gần đây nhiều sàn giao dịch TMĐT mở rộng thị trường, tiếp cận các mô hình TMĐT xuyên biên giới và được người tiêu dùng đặt mua. Người bán nước ngoài đem lại sự phong phú về nguồn cung hàng hóa, tuy nhiên, các hoạt động này cũng làm phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập trong thực tiễn của thị trường, đặc biệt trường hợp trong quá trình giao dịch phát sinh tranh chấp hoặc khiếu nại của người tiêu dùng, quyền, lợi ích của người tiêu dùng sẽ gặp thách thức lớn, khác biệt cơ bản so với trường hợp phát sinh với chủ thể có hiện diện tại Việt Nam. Điều 67c được bổ sung để làm rõ trách nhiệm của chủ sàn giao dịch TMĐT khi có người bán nước ngoài, theo đó chủ sàn giao dịch TMĐT Việt Nam là người chịu trách nhiệm xác thực danh tính của người bán nước ngoài khi cho phép các đối tượng này tham gia mua bán hàng hóa trên sàn; quy định này cũng phù hợp với các quy định về việc xác nhận danh tính của người bán nội địa trên sàn giao dịch TMĐT. Mặt khác, khi có hoạt động bán hàng hóa của thương nhân, tổ chức nước ngoài trên sàn giao dịch TMĐT, chủ sàn có trách nhiệm yêu cầu người bán nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam thực hiện quyền xuất/nhập khẩu theo quy định của pháp luật; hoặc là đơn vị hoặc tổ chức thực hiện hoạt động

nhập khẩu theo ủy thác của người mua đối với hàng hóa; hoặc yêu cầu thương nhân, tổ chức nước ngoài chỉ định đại lý thương mại của mình tại Việt Nam,

7.3. Bổ sung quy định về điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực dịch vụ TMĐT.

Theo đó, Điều 67c có nội dung quy định như sau:

“Điều 67c. Điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực dịch vụ thương mại điện tử

1. Hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử là ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

2. Các điều kiện tiếp cận thị trường gồm:

a) Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư kinh doanh hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử tại Việt Nam theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Luật Đầu tư.

b) Nhà đầu tư nước ngoài thuộc danh sách các công ty công nghệ uy tín toàn cầu trong lĩnh vực thương mại điện tử do Bộ Công Thương công bố định kỳ.

c) Nhà đầu tư nước ngoài chi phối từ 1 doanh nghiệp trở lên thuộc nhóm 5 doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường dịch vụ thương mại điện tử theo danh sách do Bộ Công Thương công bố phải có ý kiến thẩm định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Nhóm doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường quy định tại điểm này không bao gồm doanh nghiệp có thị phần ít hơn 10% trên thị trường liên quan.

3. Cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh về hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có trách nhiệm lấy ý kiến của Bộ Công Thương trước khi cấp, điều chỉnh, thay đổi đăng ký tại các giấy tờ có liên quan.”

Lý do: Việc quy định một số điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài trong bối cảnh hiện nay là vô cùng cấp bách và cần thiết. Đây là quy định thiết thực thể chế hóa, tổ chức thực hiện Nghị quyết 50-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, nhất là các nội dung “Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về đầu tư nước ngoài phù hợp xu hướng phát triển, tiếp cận chuẩn mực tiên tiến quốc tế và hài hòa với các cam kết quốc tế, bảo đảm sự đồng bộ, nhất quán, công khai, minh bạch và tính cạnh tranh cao” và “Đa phương hoá, đa dạng hoá đối tác, hình thức đầu tư, đan xen lợi ích trong hợp tác đầu tư nước ngoài và kết nối hữu cơ với khu vực kinh tế trong nước, phù hợp với định hướng cơ cấu lại nền kinh tế và mục tiêu phát triển bền vững; bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh, trật tự, an toàn xã hội và nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế.” Đồng thời, đây là nội dung thể chế hóa Nghị quyết 58/NQ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2020 ban hành

kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030, nhất là nội dung quy định tại điểm c Mục 4 về hoàn thiện thể chế, chính sách thu hút đầu tư.

Bên cạnh đó, thực hiện các quan điểm chỉ đạo của các Nghị quyết 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, tinh thần và quy định của Luật Đầu tư 2020 (điểm d khoản 3 Điều 9), Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào lĩnh vực thương mại điện tử Việt Nam phải thuộc danh sách các công ty công nghệ uy tín toàn cầu trong lĩnh vực thương mại điện tử để đảm bảo *“nâng cao tiêu chuẩn công nghệ, khuyến khích hình thức liên doanh và tăng cường liên kết, chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài”*. Danh sách này sẽ được Bộ Công Thương công bố trên cơ sở những công bố của các tổ chức chuyên ngành, thông tấn, báo chí quốc tế có uy tín (Forbes, Nasdag, NYT, Techcrunch...) và các tiêu chí khác theo chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, để đảm bảo yêu cầu *“bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an sinh, trật tự, an toàn xã hội và nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế”* và *“ngăn chặn kịp thời các tác động tiêu cực cả về kinh tế và xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng”*, Dự thảo có quy định nhà đầu tư nước ngoài chỉ phối từ 1 doanh nghiệp trở lên thuộc nhóm 5 doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh thị trường dịch vụ TMĐT theo danh sách do Bộ Công Thương công bố phải có ý kiến thẩm định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Việc đánh giá yếu tố chi phối và vị trí thống lĩnh thị trường được căn cứ vào quy định hiện hành theo pháp luật cạnh tranh, pháp luật doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

7.4. Sửa đổi quy định về thủ tục đăng ký thiết lập website cung cấp dịch vụ TMĐT, cụ thể điểm b khoản 2 Điều 55 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập (đối với tổ chức), giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp (đối với thương nhân), giấy phép kinh doanh (đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài);”

Lý do: để đồng bộ với các quy định bổ sung về TMĐT có yếu tố nước ngoài.

8. Sửa đổi nội dung liên quan đến hoạt động chứng thực hợp đồng điện tử

Cụ thể bổ sung điểm d khoản 3 Điều 63 như sau:

“d) Kết nối dữ liệu trực tuyến với hệ thống quản lý và giải quyết khiếu nại, tranh chấp trực tuyến của Bộ Công Thương.”

Lý do: đảm bảo chức năng quản lý ngành đối với hoạt động giao kết hợp đồng điện tử; theo đó, dữ liệu được kết nối và lưu trữ tại Bộ Công Thương nhằm hỗ trợ công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại phát sinh trong quá trình cung cấp, sử dụng dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử.

9. Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm thi hành

Cụ thể, Điều 80 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quản lý hoạt động thương mại điện tử tại Nghị định này;

b) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an trong bảo vệ an ninh mạng đối với hoạt động cung cấp dịch vụ thương mại điện tử của thương nhân, tổ chức nước ngoài. Kiến nghị Bộ Công an xử lý theo pháp luật đối với các hành vi vi phạm về an ninh mạng trong thương mại điện tử;

c) Tổ chức thông tin, phổ biến, truyền thông về pháp luật liên quan đến hoạt động thương mại điện tử;

d) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về hoạt động thương mại điện tử.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Bộ Công Thương cung cấp thông tin về quản lý Internet đối với các website có hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam;

b) Phối hợp với Bộ Công Thương thu hồi tên miền “.vn” và thực thi các biện pháp xử lý vi phạm đối với website thương mại điện tử theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn thương nhân, tổ chức tham gia hoạt động thương mại điện tử khai và nộp thuế theo quy định;

b) Phối hợp cung cấp thông tin, chia sẻ cơ sở dữ liệu với Bộ Công Thương về số lượng đơn hàng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, chia sẻ dữ liệu với Bộ Công Thương về các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử có vốn đầu tư nước ngoài.

5. Bộ Công An, Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Chủ trì bảo vệ an ninh mạng đối với hoạt động thương mại điện tử; phối hợp với Bộ Công Thương cung cấp thông tin về các hoạt động sử dụng không

gian mạng xâm phạm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và phòng, chống tội phạm mạng trong thương mại điện tử;

b) Phối hợp thẩm định về an ninh quốc gia trong điều kiện tiếp cận thị trường của nhà đầu tư nước ngoài đối với lĩnh vực dịch vụ thương mại điện tử khi có yêu cầu từ Bộ Công Thương.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. ”

Lý do: để đồng bộ với các nội dung được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị định. Theo đó, trách nhiệm của Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được quy định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các đơn vị đối với hoạt động quản lý TMĐT, đặc biệt liên quan đến công tác phối hợp trong quản lý hoạt động TMĐT có yếu tố nước ngoài.

Trên đây là nội dung bản Thuyết minh chi tiết dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử, Bộ Công Thương kính trình Chính phủ./.